

MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG QUAN HỆ VIỆT NAM-LIÊN XÔ

VŨ KHOAN

Nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Lời Ban Biên tập: Trong tọa đàm khoa học quốc tế: “Quan hệ giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Liên Xô trong hai cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam (1945-1975)-Lịch sử và kinh nghiệm”, tổ chức tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ngày 25-11-2019, nguyên Phó Thủ tướng Vũ Khoan đã chia sẻ: “Đã nghỉ hưu từ lâu nên tôi chỉ bày tỏ những cảm nghĩ rất riêng tư về quan hệ Việt-Xô (nay là Việt-Nga). Do không phải là nhà khoa học, tôi không thể đề cập một cách có hệ thống mà chỉ chia sẻ những điều được thấy, được nghe và được tham gia với tư cách là một người hầu như cả đời ít nhiều liên quan tới mối quan hệ giữa hai nước”.

Tạp chí Lịch sử Đảng xin trân trọng giới thiệu bài phát biểu của đồng chí Vũ Khoan tại Tọa đàm.

Từ khóa: Đảng Cộng sản Liên Xô; cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; cách mạng Việt Nam

Quan hệ hai nước không bó gọn trong 70 năm kể từ khi chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao mà đã nảy nở trên 102 năm trước, khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công.

Để dễ theo dõi có lẽ nên phân thành 5 thời kỳ chủ yếu sau:

- Từ năm 1917 đến năm 1945, khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời;

- Từ năm 1945 đến năm 1954, khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, trong đó việc hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao vào năm 1950 là mốc quan trọng;

- Từ năm 1954 đến năm 1975, khi Việt Nam giành thắng lợi hoàn toàn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thống nhất đất nước, trong đó có các mốc: trước năm 1965, khi Mỹ mở đầu “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam Việt Nam và tiến

hành chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam bằng hải quân và không quân; tiếp đó là giai đoạn Việt Nam “vừa đánh, vừa đàm” từ năm 1967 đến năm 1973 và sau khi Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết cho đến Đại thắng mùa Xuân năm 1975;

- Từ năm 1976 đến khi Liên Xô bị giải thể năm 1991, trong đó có hai mốc quan trọng là: trước và sau khi hai nước ký Hiệp ước hữu nghị, hợp tác năm 1978;

- Từ năm 1991 đến nay.

Khi điểm lại quá trình phát triển quan hệ hai nước, bên cạnh việc nêu bật những diễn biến thuận chiều, chúng ta cũng nên cố gắng tìm hiểu và giải mã một số “vết mờ” do còn thiếu thông tin hoặc còn ý kiến khác nhau. Chỉ có như vậy chúng ta mới có được bức tranh toàn diện và có căn cứ để rút ra những bài học cần thiết.

Dưới đây xin đề cập một số khía cạnh:

1. Thời kỳ 1917-1945: Xuất phát điểm của quan hệ giữa hai nước là thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga; đồng chí Hồ Chí Minh là nhà cách mạng Việt Nam đầu tiên tìm thấy con đường cứu nước trong những tư tưởng của V.I.Lênin, nhất là về phong trào giải phóng dân tộc, trong thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười cũng như trong công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô.

Một sự giúp đỡ rất quan trọng của Liên Xô đối với cách mạng Việt Nam là tiếp nhận và đào tạo nhiều nhà cách mạng Việt Nam từ trong nước ra và từ Pháp tới, trong đó có các Tổng Bí thư của Đảng Cộng sản Việt Nam về sau này như Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập...

Tuy nhiên, trong thời kỳ này có một số vấn đề mong các nhà khoa học Việt-Nga làm rõ thêm. Theo tôi, chí ít có mấy vấn đề sau:

Một là, quan điểm của Đảng Cộng sản Liên Xô với một số đảng từ các nước thuộc địa như Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Cộng sản Ấn Độ... lúc đó có sự khác biệt nhất định xung quanh yêu cầu của Liên Xô xử lý mối quan hệ nhà nước với các nước thực dân như Anh, Pháp... để bảo vệ Nhà nước Xôviết và nhu cầu của lực lượng cách mạng tại các nước thuộc địa đấu tranh giải phóng dân tộc. Về câu chuyện này có nhiều thông tin liên quan tới quan hệ Xô-Trung song về quan hệ Xô-Việt thì hầu như vắng bóng.

Hai là, đối với sự ra đời và hoạt động của Đảng Cộng sản Đông Dương thì tôi được tiếp cận một số thông tin về thái độ của Quốc tế Cộng sản song rất ít thông tin về thái độ của riêng Đảng Cộng sản Liên Xô. Sở dĩ vậy phải chăng hai tổ chức trên là “hai trong một” hay vì lý do nào khác?

Ba là, về hoạt động của đồng chí Hồ Chí Minh ở Liên Xô, tôi chưa thể tìm thấy thông tin nào về việc tại sao đồng chí Hồ Chí Minh không được bầu vào Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản và chỉ

tham gia Quốc tế Nông dân, trong khi đồng chí Lê Hồng Phong được bầu làm Ủy viên dự khuyết Quốc tế Cộng sản? Quan điểm của đồng chí Hồ Chí Minh và của Quốc tế Cộng sản về con đường giải phóng dân tộc có gì “vênh nhau” không? Việc đồng chí Hồ Chí Minh rời Liên Xô năm 1938 (?) có liên quan gì tới cao trào “thanh Đảng” ở Liên Xô lúc bấy giờ, trong đó không ít nhà hoạt động trong Quốc tế Cộng sản bị liên quan.

2. Thời kỳ 1945-1950: Có mấy “khoảng mờ” chưa được đề cập thật rõ. Đó là việc Đảng Cộng sản Đông Dương rút vào bí mật sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công có liên quan gì tới việc giải thể Quốc tế Cộng sản năm 1943 không; vì sao Cục Thông tin quốc tế (Cominform) ra đời năm 1947 không có các đảng phương Đông?

Cho tới nay vẫn rất ít thông tin về thái độ của Liên Xô đối với Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1945.

Liên quan tới việc Liên Xô cho đến năm 1950 mới công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nảy sinh những câu hỏi như: Vì sao những bức thư, điện của Chủ tịch Hồ Chí Minh (người mà Liên Xô biết rõ thân thế, sự nghiệp) và đoàn đại biểu Việt Nam do bác sĩ Phạm Ngọc Thạch dẫn đầu được cử sang châu Âu vào khoảng năm 1947 tiếp xúc với đại diện Liên Xô ở Thụy Sĩ không được hồi âm và đáp ứng? Có phải do Liên Xô phải tập trung khắc phục khó khăn sau chiến tranh tàn khốc hay do thỏa thuận Yalta và Potsdam? Hoặc do Liên Xô phải đối phó với cuộc “Chiến tranh lạnh” bắt đầu ngay từ năm 1946, trong đó Liên Xô cần tranh thủ Pháp?

Xung quanh quá trình Trung Quốc rời Liên Xô công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thì nay đã có nhiều thông tin hơn do các tài liệu mật ở Liên Xô được giải mã. Trung Quốc đã công bố nhiều thông tin và hồi ký của đồng chí Trần Đăng Ninh (Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp, nay là

Tổng cục Hậu cần Bộ Quốc phòng, của Việt Nam) đi theo Chủ tịch Hồ Chí Minh bí mật sang Trung Quốc cho biết một số điều... Tuy nhiên, có vài chi tiết cần được kiểm chứng như: Vì sao J.Stalin tránh đáp ứng gợi ý của Chủ tịch Hồ Chí Minh công khai hóa chuyến thăm? Ý kiến các bên xung quanh vấn đề cải cách ruộng đất ở Việt Nam thế nào? Lâu nay có ý kiến cho rằng, giữa Liên Xô và Trung Quốc có sự “phân công” trong quan hệ với Việt Nam. Chuyện đó thực hư ra sao hay chỉ là ngẫu nhiên do Liên Xô nhờ Trung Quốc ủng hộ trước khí tài quân sự giúp Việt Nam?...

Về việc triệu tập Hội nghị Giơnevơ năm 1954, mọi người đều biết là theo sáng kiến của Liên Xô, lúc đầu nhằm bàn vấn đề châu Âu, chủ yếu là vấn đề Đức nhưng không thành, nên chuyển sang bàn vấn đề Triều Tiên và Đông Dương. Trong khi Trung Quốc công bố rất nhiều tài liệu về phương án tạm chia cắt Việt Nam thì rất ít thông tin về thái độ của Liên Xô về câu chuyện này. Ngay cuốn *Liên Xô và Việt Nam trong những năm chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất-Hội nghị Genève năm 1954*, Tuyển chọn văn kiện và tài liệu do Cục Văn thư và lưu trữ nhà nước hợp tác với nhiều chuyên gia Nga vừa phát hành dày tới 897 trang, cũng không thấy nói rõ.

Từ sau năm 1950 đến năm 1954, Liên Xô đã viện trợ quân sự cho Việt Nam chủ yếu súng cao xạ và xe vận tải V.Molotov mà chính chúng tôi lần đầu tiên trong đời được ngồi trên đó đi lên biên giới Việt-Trung.

3. Thời kỳ 1954-1975: Có mấy giai đoạn:

- Từ năm 1954 đến năm 1965, nổi lên hai hướng:

Một là, Liên Xô đã giúp miền Bắc Việt Nam khôi phục và phát triển kinh tế-xã hội, nhất là sau chuyến thăm công khai đầu tiên của Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Liên Xô vào năm 1955 mà tôi được chứng kiến. Sự giúp đỡ ấy rất to lớn và quan trọng. Về “phần cứng” là rất nhiều công trình kinh tế-xã

hội tạo nền tảng cho nền công nghiệp và cho sự phát triển giáo dục, y tế, văn hóa ở miền Bắc Việt Nam. “Về phần mềm” là mở rộng mạnh mẽ việc giúp Việt Nam đào tạo nguồn nhân lực (trong đó có 100 anh chị em chúng tôi được đưa sang Liên Xô năm 1955 để học tiếng Nga) và giúp Việt Nam xây dựng kế hoạch 3 năm khôi phục và phát triển kinh tế (cá nhân tôi được điều động làm phiên dịch cho Đoàn chuyên gia cao cấp của Liên Xô và Trung Quốc sang làm việc với lãnh đạo Việt Nam vào năm 1957). Có thể nói, đây là bước đầu tiên hình thành thể chế “kinh tế kế hoạch hóa tập trung” ở Việt Nam.

Hai là, đối với tình hình ở miền Nam Việt Nam, với tư cách đồng Chủ tịch Hội nghị Giơnevơ, Liên Xô luôn ủng hộ lập trường của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đòi thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định, phản đối những hành động phá hoại Hiệp định của chính quyền Sài Gòn và “sự can thiệp” của Mỹ.

Đối với cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam Việt Nam chống lại chính quyền Sài Gòn được Mỹ ủng hộ thì phải khẳng định rằng, Liên Xô luôn đứng về phía nhân dân Việt Nam, song có những biểu hiện Ban lãnh đạo của Liên Xô lúc đó do N.Khorútsốp đứng đầu, đã có sự “dè dặt” nhất định khi được thông báo về Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 15 (khóa III) (1959) của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam về việc phát động cuộc đấu tranh “bằng bạo lực cách mạng chống bạo lực phản cách mạng” ở miền Nam Việt Nam và khi Mỹ gây ra “sự kiện Vịnh Bắc Bộ”, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân (địp này Liên Xô chỉ ra tuyên bố TASS với những lời lẽ rất cân nhắc).

Không biết những biểu hiện ấy có phản ánh quan điểm “ngọn lửa nhỏ có thể bùng phát thành đám cháy lớn” (nêu tại Hội nghị các đảng cộng sản và công nhân năm 1957 tại Mátxcova) và có liên quan gì tới “chính sách hòa hoãn” với Mỹ của ông

N. Khorútsóp nhằm tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho công cuộc hoàn thành xây dựng chủ nghĩa cộng sản ở Liên Xô vào năm 1980 chẳng?

Cũng đúng lúc này, mâu thuẫn Xô-Trung bùng phát công khai, ngày càng gay gắt; cả hai nước đều ra sức vận động các nước XHCN và các đảng cộng sản và công nhân ủng hộ mình.

Trong bối cảnh đó, giữa Đảng Cộng sản Liên Xô và Đảng Lao động Việt Nam đã nảy sinh một số khác biệt về quan điểm. Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo Việt Nam lúc đó một mặt kiên trì bảo vệ quan điểm của mình và lợi ích của Việt Nam đấu tranh chống cuộc “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ngày càng mở rộng và gia tăng; vừa tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của Liên Xô, vừa hạn chế tác động tai hại của mâu thuẫn Xô-Trung tới tình đoàn kết trong phe XHCN và phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Cá nhân tôi đã được chứng kiến, thậm chí được phục vụ một số hoạt động theo hướng này, trong đó có Hội nghị 81 đảng, năm 1961, ở Mátxcova.

May thay tình hình quan hệ Xô-Việt đã có sự thay đổi quan trọng sau khi ông N.Khorútsóp bị phế truất vào ngày 14-10-1964 do “bệnh duy ý chí”, “phiêu lưu”.

Vào đầu năm 1965, lần đầu tiên trong lịch sử, người đứng đầu Chính phủ Liên Xô là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng A.Côxughin sang thăm Việt Nam và cá nhân tôi được phục vụ chuyến thăm này. Nhằm đúng lúc đó Mỹ đổ quân vào Đà Nẵng và ném bom thị xã Đồng Hới, chính thức mở đầu cuộc “Chiến tranh cục bộ” ở Việt Nam. Không loại trừ khả năng Mỹ đã hành động như vậy nhằm “nấn gân” Liên Xô.

Đáp lại, A.Côxughin đã lên án mạnh mẽ động thái trên của Mỹ, ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam, chính thức chấp thuận cung cấp vũ khí, kể cả tên lửa SAM và máy bay phản lực MIG cho Việt Nam, đồng thời đề nghị triệu tập hội nghị

quốc tế các đảng ủng hộ Việt Nam (đề nghị này không trở thành hiện thực được do bất đồng trong phong trào cộng sản, công nhân lúc đó).

Từ đó trở đi cho tới năm 1975, Liên Xô đã dành cho Việt Nam sự giúp đỡ rất to lớn cả về quân sự lẫn kinh tế.

Đối với Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và cả Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời năm 1968, Liên Xô đã biểu thị thái độ ủng hộ, công nhận và “bao cấp” hoàn toàn cho Đại sứ quán của Chính phủ lâm thời cách mạng miền Nam Việt Nam ở Mátxcova.

Riêng đối với chủ trương của Việt Nam triển khai từ năm 1967 về chính sách “vừa đánh, vừa đàm” và tiến trình hòa đàm Pari, Liên Xô nhất quán ủng hộ cho dù đôi khi đã nảy sinh những điểm “vênh nhau” nhất định về bước đi. Ví dụ: năm 1967, Việt Nam đòi Mỹ phải chấm dứt ném bom bắn phá miền Bắc hoàn toàn thì mới đàm phán; còn Liên Xô đã “chuyên ý kiến” của Tổng thống Mỹ Giônxon (nếu với Chủ tịch A.Côxughin trong cuộc gặp tại Glatxôbôrô đúng lúc đó) về việc đàm phán “không điều kiện”-nghĩa là trong khi đàm phán, Mỹ vẫn ném bom bắn phá miền Bắc!

Tôi còn nhớ rất rõ sự vui mừng của các ông M.Xuxlốp, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, nhân vật thứ hai trong Đảng và Ngoại trưởng A.Grômucô khi nghe Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Nguyễn Duy Trinh sang thông báo riêng cho lãnh đạo Liên Xô nội dung bản dự thảo Hiệp định về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam sẽ được ký ở Pari. Tôi cũng không bao giờ quên lễ đón tưng bừng vượt mọi thông lệ mà lãnh đạo Liên Xô dành cho các đồng chí Lê Đức Thọ¹ và Nguyễn Duy Trinh từ Pari dừng chân ở Mátxcova trên đường về nước, sau khi Hiệp định được ký.

Nhân chuyện này, có một “chi tiết” nói lên sự ủng hộ rất quan trọng của Liên Xô đối với Việt

Nam lúc đó. Đó là việc Mỹ đã lật lọng đòi sửa lại dự thảo Hiệp định; và để hậu thuẫn cho yêu cầu ngang ngược đó, hạ tuần tháng 12-1972, Mỹ đã tiến hành cuộc không kích chiến lược bằng B52 vào Hà Nội, Hải Phòng và một số địa phương khác ở miền Bắc Việt Nam. Lúc đó, đồng chí Trường-Chinh, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đang ở Mátxcova dự lễ kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Liên bang Xôviết, đã nêu yêu cầu Liên Xô gấp rút cung cấp bổ sung tên lửa, khí tài sang Việt Nam để chống trả, và đã được phía Liên Xô tích cực đáp ứng.

Sau khi Hiệp định Pari được ký kết vào đầu năm 1973, Liên Xô đã xóa nợ cho Việt Nam, đồng thời gia tăng viện trợ để khôi phục kinh tế ở miền Bắc; còn đối với miền Nam Việt Nam, bạn nhấn mạnh yêu cầu nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định.

Liên Xô đã nhiệt liệt chào mừng Đại thắng mùa Xuân năm 1975 của Việt Nam, thống nhất đất nước và mở rộng viện trợ kinh tế cho cả miền Nam, trong đó nổi lên là các công trình Thủy điện Trị An và Dầu khí Vũng Tàu.

4. Thời kỳ 1976-1991: có hai câu chuyện cần làm rõ thêm:

Một là, sự ủng hộ và sự giúp đỡ của Liên Xô đối với Việt Nam trước những diễn biến phức tạp ở Campuchia và cuộc chiến ở biên giới Tây-Nam cũng như trên biên giới phía Bắc diễn biến ra sao? Việc hai nước ký Hiệp ước hữu nghị, hợp tác năm 1978, Liên Xô cử cố vấn nhiều ngành sang giúp Việt Nam cũng như việc Việt Nam gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV), Liên Xô thuê căn cứ Cam Ranh...diễn ra thế nào đều là những sự kiện nên được làm sáng tỏ.

Hai là, sự chuyển biến trong quan hệ Xô-Trung sau tuyên bố Vladivítxtốc và chuyến thăm Bắc Kinh năm 1989 của M.Gócbachốp cũng như sự đáp ứng của Liên Xô đối với 3 điều kiện của Trung Quốc là: Liên Xô phải dẫn quân khỏi biên giới Xô-

Trung, rút quân khỏi Ápganítxtan và nhất là ép Việt Nam rút quân khỏi Campuchia? Thái độ của Liên Xô với tư cách thành viên của nhóm P-5 (5 ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc) trong quá trình đàm phán về Hiệp định Pari liên quan tới Campuchia ra sao?

Một khía cạnh lý thú đáng được đề cập là thái độ của dư luận Việt Nam đối với chủ trương “Pêrêxtrôica” (cải tổ ở Liên Xô) ra sao? Việt Nam đã rút kinh nghiệm thế nào trong công cuộc đổi mới của mình cũng như tác động của sự cô lập Liên Xô bị giải thể đối với Việt Nam ra sao? Rất tiếc do khuôn khổ thời gian tôi không đề cập được những gì tôi quan sát được về những câu chuyện này.

5. Thời kỳ từ năm 1991 tới nay: có hai giai đoạn trước và sau năm 1994. Quan hệ hai nước ở giai đoạn trước năm 1994 có phần ít sôi động. Tình hình này đã thay đổi ngày càng mạnh mẽ từ sau năm 1994, khi hai nước ký Hiệp ước về nguyên tắc cơ bản của mối quan hệ giữa hai nước vào tháng 6 năm đó. Tiếp đến là những bước phát triển mới như Liên bang Nga xóa nợ cho Việt Nam (9-2000), hai nước thiết lập quan hệ “đối tác chiến lược” rồi “đối tác chiến lược toàn diện”, thỏa thuận về Khu vực mậu dịch tự do giữa Việt Nam với Liên minh Á-Âu, trong đó Liên bang Nga đóng vai trò nòng cốt...

Những điều này mọi người đều biết, nên tôi không đi sâu, chỉ có điều nên phân tích những nguyên nhân nào đã đưa tới những chuyển biến tích cực như vậy, đồng thời làm rõ những điểm còn hạn chế.

Cá nhân tôi cũng có không ít kỷ niệm về mối quan hệ hai nước vào thời kỳ này, khi trở thành Thứ trưởng thường trực Bộ Ngoại giao rồi Bộ trưởng Thương mại và Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Chủ tịch Phân ban Việt Nam trong Ủy ban hợp tác liên chính phủ với Nga, đồng thời là Bí thư

Trung ương Đảng, phụ trách công tác đối ngoại. Do khuôn khổ thời gian tôi không có điều kiện chia sẻ cùng các bạn.

Nhìn chung, quan hệ Việt-Xô, Việt-Nga là mối quan hệ lâu dài có lịch sử hơn một trăm năm, mang tính toàn diện, bền vững và diễn biến thuận lợi nhất trong mối quan hệ của Việt Nam với các nước lớn trên thế giới. Chỉ một hiện tượng là trong khi giữa Việt Nam với các thành viên khác trong P-5 đều xảy ra chiến tranh, xung đột, thì riêng với Nga không hề bao giờ xảy ra tình trạng “đụng gươm, đọ súng”, mà chỉ có sự giúp đỡ của Liên Xô trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của Việt Nam.

Nhân đây tôi cũng xin lưu ý rằng, bên cạnh quan hệ giữa hai Đảng và hai Nhà nước, mong các nhà khoa học hai nước dành mỗi quan tâm tới những biểu hiện về tình cảm đặc biệt giữa nhân dân hai nước. Có điều lạ là không chỉ những người Việt Nam học tập, làm việc, sinh sống trên đất Liên Xô hay người Nga hoặc người Liên Xô công tác ở Việt Nam, mà mọi người dân, kể cả thế hệ trẻ, đều có cảm tình với nhau.

Vậy điều gì đã làm nên mỗi thiện cảm ấy? Phải chăng đó là sự tương đồng về vận mệnh như nhân dân Việt Nam vốn phải sống trong kiếp nô lệ của chủ nghĩa thực dân gần 100 năm, còn nhân dân lao động Nga đã phải trải qua những năm tháng trong “Nhà tù của các dân tộc”, là đế quốc Sa Hoàng; nhân dân hai nước đều phải trải qua các cuộc chiến tranh tàn khốc để giữ vững quyền độc lập của mình; trong văn hóa ứng xử của nhân dân hai nước cũng có không ít điểm tương đồng; lợi ích của hai nước có nhiều điểm trùng nhau...

Tất nhiên không phải mọi việc chỉ có thuận chiều; trong một số thời điểm, lợi ích và quan điểm của hai bên có sự vênh nhau nhất định nhưng rất may là không đi đến đố vỡ, đối kháng. Một điều đáng quan tâm là mối quan hệ Việt-Xô-Trung luôn chịu tác động từ tam giác chiến lược Xô-Mỹ-Trung;

mong rằng các nhà nghiên cứu lưu ý nhân tố này khi nghiên cứu lịch sử quan hệ Việt-Xô.

Có một nhân tố rất đặc biệt, người sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam là Chủ tịch Hồ Chí Minh thực sự là người đã xây dựng nên và dày công vun đắp cho mối tình hữu nghị Việt Nam-Liên Xô, không chỉ bằng “ngoại giao cấp cao” mà còn bằng cả “ngoại giao tình người”. Điều đó thể hiện rõ trong tình cảm chân thành, thái độ giản dị của Người đối với mọi tầng lớp của nhân dân Liên Xô nói chung và người Nga nói riêng. Cá nhân tôi có may mắn được chứng kiến rất nhiều sự việc cho thấy rõ điều này song tại đây không có thời gian chia sẻ.

Chắc chắn rằng, di sản quý báu đã gây dựng được trên 100 năm sẽ là điểm tựa đưa quan hệ hai nước lên tầm cao mới, đương nhiên dưới những hình thức mới.

Một điểm rất đáng lưu tâm nữa là: lịch sử quan hệ Việt-Xô phong phú như vậy song tiếc rằng, cho tới nay, ở cả Việt Nam lẫn Nga chưa có một công trình nghiên cứu nào đề cập một cách toàn diện, có hệ thống một cách căn cơ về mối quan hệ ấy. Mong rằng, các nhà khoa học hai nước cùng nhau hợp tác để lấp chỗ trống này, giúp cho các thế hệ mai sau hiểu rõ và tiếp bước mối quan hệ này ở tầm cao mới.

1. Đồng chí Lê Đức Thọ tại thời điểm này là Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Cố vấn Đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại hòa đàm Pari.